

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **5984** /UBND-NL₁
V/v tham mưu tổ chức thực hiện
Nghị quyết số 114/2014/NQ/HĐND
của HĐND tỉnh

Hà Tĩnh, ngày **31** tháng 12 năm 2014

Kính gửi:

- Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính,
Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 114/2014/NQ-HĐND ngày 20/12/2014 về việc quy định sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2015 - 2020 (bản sao đăng tải kèm theo công văn này tại <http://qppl.hatinh.gov.vn>); Ủy ban nhân dân tỉnh giao:

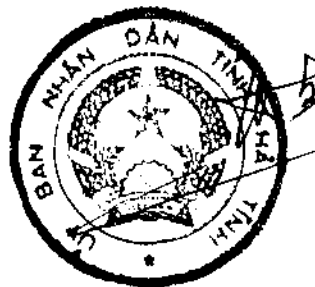
Văn phòng Điều phối Chương trình NTM tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và cơ quan liên quan tiếp thu, nghiên cứu, kịp thời tham mưu, đề xuất phương án tổ chức thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 12/01/2015./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó VP/UB (theo dõi NL);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₁.

Gửi: VB giấy và điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

Số: 114/2014/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 12 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 và Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02 tháng 02 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2012/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua chủ trương hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2013 - 2015;

Sau khi xem xét Tờ trình số 529/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Quy định sử dụng ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế và ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này điều chỉnh đối với các nội dung, công việc có sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Nội dung, công việc và mức được sử dụng ngân sách Nhà nước:

TT	Nội dung, công việc	Mức được sử dụng ngân sách hỗ trợ đối với tất cả các xã (trừ các xã khó khăn)		Mức được sử dụng NS hỗ trợ đối với các xã khó khăn (xã thuộc Chương trình 30b, 106, 135)	
		Ngân sách TW, tỉnh	Tổng mức NSNN các cấp	Ngân sách TW, tỉnh	Tổng mức ngân sách Nhà nước các cấp
1	Công tác quy hoạch	≤ 100	≤ 100	≤ 100	≤ 100
2	Xây dựng trụ sở xã	≤ 100		≤ 100	
3	Công tác đào tạo, tập huấn, tuyên truyền xây dựng nông thôn mới	≤ 100		≤ 100	
4	Xây dựng trường học đạt chuẩn	≤ 80	≤ 95	≤ 85	≤ 95
5	Xây dựng trạm Y tế xã	≤ 85		≤ 90	
6	Đường trục xã, liên xã	≤ 85		≤ 90	
7	Nhà văn hoá xã	≤ 75		≤ 90	
8	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	≤ 75		≤ 90	
9	Công tác vệ sinh môi trường		≤ 85		≤ 90
-	Hệ thống thoát nước thải	≤ 80		≤ 85	
-	Điểm thu gom rác thải thôn, xóm	≤ 50		≤ 70	
-	Điểm tập trung xử lý rác thải ở xã	≤ 70		≤ 80	
-	Phương tiện vận chuyển rác	≤ 60		≤ 70	
-	Phương tiện thu gom rác (xe đẩy tay), thùng đựng rác công cộng	≤ 50		≤ 60	
-	Chế phẩm sinh học để xử lý chất thải hữu cơ làm phân vi sinh	≤ 60		≤ 70	
-	Xây dựng lò đốt rác	≤ 50	≤ 70		
10	Hệ thống truyền thanh		≤ 80		≤ 90
-	Cấp xã	≤ 70		≤ 80	
-	Thôn, xóm	≤ 60		≤ 70	

TT	Nội dung, công việc	Mức được sử dụng ngân sách hỗ trợ đối với tất cả các xã (trừ các xã khó khăn)		Mức được sử dụng NS hỗ trợ đối với các xã khó khăn (xã thuộc Chương trình 30b, 106, 135)	
		Ngân sách TW, tỉnh	Tổng mức NSNN các cấp	Ngân sách TW, tỉnh	Tổng mức ngân sách Nhà nước các cấp
11	Đường trục thôn, xóm	≤ 60	≤ 80	≤ 85	≤ 85
12	Đường trục chính nội đồng	≤ 60			
13	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng và thùy lợi nhỏ	≤ 60			
14	Công trình thể thao xã	≤ 65			
15	Nhà văn hoá thôn, bản	≤ 65			
16	Đường ngõ xóm	≤ 40	≤ 70	≤ 60	≤ 80
17	Công trình thể thao thôn, bản	≤ 45			
18	Hệ thống đường ống nước trục nhánh đến hàng rào hộ gia đình	≤ 40			
19	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt nhỏ lẻ (giếng đào, giếng khoan, lu, bể chứa nước mưa)	≤ 40			
20	Công trình chợ nông thôn				
-	Chợ xây mới	≤ 30			
-	Chợ nâng cấp, mở rộng	≤ 50			
21	Mạng lưới Internet đến thôn	≤ 50		≤ 60	
22	Hỗ trợ xây dựng mô hình				
-	Mô hình trình diễn	Theo định mức Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ và các quy định của Trung ương, tỉnh			
-	Mô hình khác				
+	Hỗ trợ giống	≤ 60	≤ 70	≤ 70	≤ 80
+	Hỗ trợ các vật tư khác	≤ 40		≤ 50	
23	Hỗ trợ giống mới, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất	≤ 40	≤ 70	≤ 60	≤ 80

TT	Nội dung, công việc	Mức được sử dụng ngân sách hỗ trợ đối với tất cả các xã (trừ các xã khó khăn)		Mức được sử dụng NS hỗ trợ đối với các xã khó khăn (xã thuộc Chương trình 30b, 106, 135)	
		Ngân sách TW, tỉnh	Tổng mức NSNN các cấp	Ngân sách TW, tỉnh	Tổng mức ngân sách Nhà nước các cấp
24	Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị gieo trồng, chăn nuôi, thu hoạch, chế biến bảo quản tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp, chế biến nông lâm thủy sản, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ nông thôn	≤ 40		≤ 50	
25	Hạ tầng thiết yếu trong hàng rào phục vụ sản xuất, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản (hệ thống nước, xử lý chất thải, xây dựng chuồng trại, hệ thống nhà lưới, vệ sinh môi trường...)	≤ 30		≤ 50	
26	Điểm phục vụ bưu chính viễn thông	≤ 40	≤ 60	≤ 60	≤ 70
27	Hạ tầng ngoài hàng rào các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản ngoài hàng rào (ngoài đối tượng theo Quyết định 67/2014/QĐ-UBND ngày 10/10/2014 của UBND tỉnh)				
-	Đường giao thông	≤ 50		≤ 70	
-	Đường điện	≤ 50		≤ 70	
-	Nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt	≤ 50	≤ 60	≤ 60	≤ 70
-	Hệ thống công trình xử lý môi trường (hồ lắng sinh học, hồ thủy sinh, hệ thống công trình thoát nước thải sau Biogas, bể lắng, bể xử lý vi sinh, bể xử lý mùi, ao xử lý chất thải...)	≤ 40		≤ 50	
28	Hỗ trợ xây dựng nghĩa trang (chỉnh trang và xây dựng các hạng mục phụ trợ trong nghĩa trang, làm đường vào nghĩa trang, nhà quản trang)	≤ 30	≤ 50	≤ 40	≤ 60
29	Các nội dung công việc khác (chuyên gia tiên bộ khoa học công nghệ, tham quan học tập...)	Thực hiện theo Quyết định của các cấp có thẩm quyền.			

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 45/2012/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI, Kỳ họp thứ 11 thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm T.Tin VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - tin học VP UBND tỉnh;
- Trang thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình

